

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

Địa chỉ: Km 2231 Quốc lộ 1A, Tân Phong, Giá Rai, Bạc Liêu

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 25

011729
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
GIÁ RAU
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

Địa chỉ: Km 2231 Quốc lộ 1A, Tân Phong, Giá Rai, Bạc Liêu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Hải là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Quyết định số: 55/QĐ-TT, ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 6000040003 do Sở kế hoạch đầu tư Bạc Liêu cấp ngày 28 tháng 03 năm 2002 và giấy phép bổ sung số 600004003 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2005; Giấy phép bổ sung số 600004003 cấp ngày 29 tháng 03 năm 2007; Giấy phép bổ sung số 1900264511 cấp ngày 04 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 3 năm 2012.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Tổ chức nuôi trồng, khai thác, thu mua, sản xuất và chế biến các mặt hàng thủy hải sản, nông sản, súc sản trong và ngoài nước.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và bán nội địa hàng thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa vật tư công nghệ thực phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh trong ngành.
- Khai thác thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh.

Trụ sở chính: Km 2231 Quốc lộ 1A - Xã Tân Phong - Huyện Giá Rai - Tỉnh Bạc Liêu

Tổng vốn điều lệ là **56.000.000.000 VND**

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Các đơn vị thành viên	
Xí nghiệp F69 Trà Kha	Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Xí nghiệp F78	Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Xí nghiệp Láng Trâm	Km 2231QL1A, Tân Phong, Giá Rai, Bạc Liêu
Văn phòng đại diện	16 Phan Đình Phùng, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 12.945.353.287 VND (Năm 2011 lợi nhuận sau thuế là 14.850.418.748 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 17.608.696.614 VND (Năm 2011 lợi nhuận chưa phân phối là 19.171.827.076 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và ban giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Trần Thiện Hải	Chủ tịch
Ông : Mạc Minh Kỳ	Phó Chủ tịch
Ông : Dương Công Thành	Thành viên
Ông : Lý Nam Hà	Thành viên
Ông : Trần Quang Đệ	Thành viên
Ông : Dương Minh Trí	Thành viên
Ông : Nguyễn Ngọc Tài	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông : Trần Thiện Hải	Tổng Giám đốc
Ông : Mạc Minh Kỳ	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Trần Quang Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Quách Dũng Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Thanh Nhân	Kế Toán Trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông : Phạm Chí Thành	Trưởng ban kiểm soát
Ông : Nguyễn Quang Tám	Thành viên
Bà : Đỗ Thị Tuyết Hồng	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 1 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đ. AN THIỆN HẢI

01172
CÔNG TY
THIỆM HỮU
VỤ TƯ
H KẾ
EM TO
A NAN
P. HỒ

Số: 47.../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải được lập ngày 28 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2013

**Ông Giám đốc****Ông Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 0479 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		279.770.133.127	307.765.030.359
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	58.086.122.716	33.132.522.355
111	1. Tiền		13.136.122.716	23.132.522.355
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.950.000.000	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.602.235.495	86.482.381.216
131	1. Phải thu khách hàng		63.651.320.276	84.778.376.109
132	2. Trả trước cho người bán		36.678.400	1.423.761.708
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	914.236.819	280.243.399
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho	05	151.196.029.173	176.201.579.681
141	1. Hàng tồn kho		154.196.029.173	179.201.579.681
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.885.745.743	11.948.547.107
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.134.886.403	11.201.687.372
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		750.859.340	746.859.735
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		103.028.366.411	105.626.836.128
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
220	II. Tài sản cố định		95.829.338.168	98.077.558.524
221	1. Tài sản cố định hữu hình	06	90.154.067.168	95.034.003.292
222	- Nguyên giá		204.891.770.590	196.283.255.580
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(114.737.703.422)	(101.249.252.288)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	07	2.516.071.000	1.466.071.000
228	- Nguyên giá		2.593.617.800	1.543.617.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(77.546.800)	(77.546.800)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	3.159.200.000	1.577.484.232
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		5.934.827.000	5.904.827.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác	09	9.714.827.000	9.714.827.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.780.000.000)	(3.810.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.264.201.243	1.644.450.604
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.264.201.243	1.644.450.604
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		382.798.499.538	413.391.866.487

011726
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
VỤ TƯ V
ÍNH KẾ
KIỂM TO
Á NĂM
TP. HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		198.842.749.995	243.924.900.373
310	I. Nợ ngắn hạn		198.842.749.995	243.924.900.373
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	171.273.690.006	211.260.601.135
312	2. Phải trả người bán		9.247.403.239	10.146.030.805
313	3. Người mua trả tiền trước		616.508.800	2.906.339.120
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.212.367.229	1.730.725.930
315	5. Phải trả người lao động		10.991.856.164	10.512.976.032
316	6. Chi phí phải trả			
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	2.476.011.115	1.496.885.098
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.024.913.442	5.871.342.253
330	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn			
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		183.955.749.543	169.466.966.114
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	183.955.749.543	169.466.966.114
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.999.510.000	56.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		73.858.230.000	84.557.940.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			(1.009.592.954)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.889.312.929	5.146.791.992
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.600.000.000	5.600.000.000
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.608.696.614	19.171.827.076
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	2. Nguồn kinh phí			
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>382.798.499.538</u>	<u>413.391.866.487</u>



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		286.227,20	684.719,55
- Yên Nhật (JPY)		251.186,00	
- Euro (EUR)		100,37	100,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu

(Signature)
 Nguyễn Thanh Nhân

Kế toán trưởng

(Signature)
 Nguyễn Thanh Nhân

Tổng Giám đốc

(Signature)
 Trần Thiện Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	1.153.157.458.258	1.363.308.233.804
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	14.751.726.148	2.924.373.380
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.138.405.732.110	1.360.383.860.424
11	4. Giá vốn hàng bán	18	1.065.902.737.575	1.305.019.650.670
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.502.994.535	55.364.209.754
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	5.598.089.934	30.771.331.974
22	7. Chi phí tài chính	20	16.980.993.268	26.344.873.739
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15.843.524.684	24.710.072.648
24	8. Chi phí bán hàng	21	34.292.965.765	34.158.419.995
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	13.362.629.611	11.178.676.412
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.464.495.825	14.453.571.582
31	11. Thu nhập khác		648.406.581	1.520.627.542
32	12. Chi phí khác		153.271.258	245.459.507
40	13. Lợi nhuận khác		495.135.323	1.275.168.035
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.959.631.148	15.728.739.617
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.014.277.861	878.320.869
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.945.353.287	14.850.418.748
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	24	2.249	2.652

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu


Nguyễn Thanh Nhân

Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Nhân

Tổng Giám đốc



Trần Thiện Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2012	Năm 2011
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.168.517.819.941	1.403.415.692.859
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.028.145.045.287)	(1.349.728.873.547)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(51.728.543.499)	(42.668.752.302)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(15.788.833.667)	(24.711.322.552)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(853.835.889)	(756.646.729)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		68.376.461.341	95.030.492.650
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(72.701.128.816)	(70.165.113.488)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		67.676.894.124	10.415.476.891
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(13.032.590.593)	(10.045.202.241)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		449.460.000	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.064.397.210	1.859.630.675
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.518.733.383)	(8.185.571.566)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10.695.654.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.365.074.099.617	1.761.617.979.446
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.398.099.034.628)	(1.764.470.813.481)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.019.120.120)	(10.794.157.806)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(33.348.401.131)	(13.646.991.841)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		24.809.759.610	(11.417.086.516)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		33.132.522.355	43.393.649.840
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		143.840.751	1.155.959.031
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		58.086.122.716	33.132.522.355



Người lập biểu

(Signature)
Nguyễn Thanh Nhân

Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Thanh Nhân

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 1 năm 2013
 Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI
 (Seal and signature)
 Trần Thiện Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Hải là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Quyết định số: 55/QĐ-TT, ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 6000040003 do Sở kế hoạch đầu tư Bạc Liêu cấp ngày 28 tháng 03 năm 2002 và giấy phép bổ sung số 6000040003 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2005; Giấy phép bổ sung số 6000040003 cấp ngày 29 tháng 03 năm 2007; Giấy phép bổ sung số 1900264511 cấp ngày 04 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 3 năm 2012.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Tổ chức nuôi trồng, khai thác, thu mua, sản xuất và chế biến các mặt hàng thủy hải sản, nông sản, súc sản trong và ngoài nước.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và bán nội địa hàng thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa vật tư công nghệ thực phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh trong ngành.

- Khai thác thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

- Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

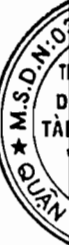
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: kế toán trên máy tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm 31/12/2012 là 20.828 VND/USD.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2012**

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

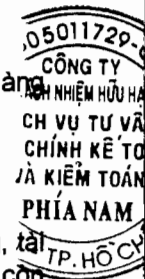
Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 09 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 07 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	4 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thành lập;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	312.872.400	745.975.371
Tiền mặt VND	306.624.000	745.975.371
Tiền mặt ngoại tệ	6.248.400	
Tiền gửi ngân hàng	12.823.250.316	22.386.546.984
Tiền gửi VND	6.804.708.203	8.124.519.320
Tiền gửi ngoại tệ	6.018.542.113	14.262.027.664
Các khoản tương đương tiền	44.950.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi kì hạn 01 tháng		10.000.000.000
Tiền gửi kì hạn từ 01 đến 03 tháng	44.950.000.000	
Cộng	58.086.122.716	33.132.522.355

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu BHXH	160.429.515	105.317.581
Phải thu người lao động khác	200.241.188	33.188.830
Tạm ứng lương	553.566.116	141.697.983
Phải trả khác		39.005
Cộng	914.236.819	280.243.399

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu	7.887.890.983	11.658.741.332
Công cụ, dụng cụ	787.263.115	706.938.268
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		
Thành phẩm	145.518.215.075	166.700.100.081
Hàng hóa	2.660.000	135.800.000
Hàng gửi đi bán		
Hàng hóa kho bảo thuế		
Hàng hóa bất động sản		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	154.196.029.173	179.201.579.681

- Giá trị ghi của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 120.000.000.000đ

050117
CÔNG T
ÁCH NHIỆM H
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA N
- TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

Địa chỉ: Km 2231 Quốc lộ 1A, Tân Phong, Giá Rai, Bạc Liêu

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH							
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
1. Số dư đầu năm	61.621.526.730	119.689.367.957	11.434.865.668	3.537.495.225		196.283.255.580	
2. Số tăng trong năm	2.216.299.601	7.305.945.409		36.575.000		9.558.820.010	
- Mua trong năm	2.216.299.601	7.305.945.409		36.575.000		9.558.820.010	
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
- Tăng khác							
3. Số giảm trong năm		950.305.000				950.305.000	
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		950.305.000				950.305.000	
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	63.837.826.331	126.045.008.366	11.434.865.668	3.574.070.225		204.891.770.590	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	20.658.339.237	70.579.678.410	7.027.426.384	2.983.808.257		101.249.252.288	
2. Khấu hao trong năm	3.870.384.820	9.343.002.775	1.036.439.266	188.929.273		14.438.756.134	
- Khấu hao trong năm	3.870.384.820	9.343.002.775	1.036.439.266	188.929.273		14.438.756.134	
- Tăng khác							
3. Giảm trong năm		950.305.000				950.305.000	
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		950.305.000				950.305.000	
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	24.528.724.057	78.972.376.185	8.063.865.650	3.172.737.530		114.737.703.422	
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH							
1. Tại ngày đầu năm	40.963.187.493	49.109.689.547	4.407.439.284	553.686.968		95.034.003.292	
2. Tại ngày cuối năm	39.309.102.274	47.072.632.181	3.371.000.018	401.332.695		90.154.067.168	

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

54.000.000.000

71.565.433.675



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

Địa chỉ: Km 2231 Quốc lộ 1A, Tân Phong, Giá Rai, Bạc Liêu

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	TSCĐVH khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình							
1. Số dư đầu năm	1.466.071.000			77.546.800		1.543.617.800	
2. Số tăng trong năm	1.050.000.000					1.050.000.000	
- Mua trong năm	1.050.000.000					1.050.000.000	
- Tạo ra từ nội bộ DN							
- Tăng do hợp nhất KD							
- Tăng khác							
3. Số giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm	2.516.071.000			77.546.800		2.593.617.800	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm							
2. Khấu hao trong năm							
- Khấu hao trong năm							
- Tăng khác							
3. Giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm							
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH							
1. Tại ngày đầu năm	1.466.071.000					1.466.071.000	
2. Tại ngày cuối năm	2.516.071.000					2.516.071.000	
3. Tại ngày cuối năm							
4. Số dư cuối năm	77.546.800			77.546.800		77.546.800	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Xây dựng cơ bản dở dang	2.266.000.000	684.284.232
- Mua sắm TSCĐ	893.200.000	893.200.000
Cộng	<u>3.159.200.000</u>	<u>1.577.484.232</u>

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>		<u>01/01/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		9.714.827.000		9.714.827.000
+ Cty CP thực phẩm Sao Ta	100.000	4.800.000.000	100.000	4.800.000.000
+ Cty CP Thủy Sản Năm Căn	442.257	4.864.827.000	442.257	4.864.827.000
+ Cty CP Bao Bi Sài Gòn	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
- Đầu tư dài hạn khác				
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.780.000.000)		(3.810.000.000)
Cộng		<u>5.934.827.000</u>		<u>5.904.827.000</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Chi phí trả trước CCDC		503.996.323
Chi phí trả trước khác	1.264.201.243	1.140.454.281
Cộng	<u>1.264.201.243</u>	<u>1.644.450.604</u>

5011
CÔNG
SÁCH NHIỆM
CH VỤ T
CHÍNH I
À KIỂM
PHÍA N
- TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
- Vay ngắn hạn VND	57.038.358.406	125.722.614.090
+ HSBS TP HCM	32.455.486.131	15.000.000.000
+ NH PT KV Minh Hải - PGD Bạc Liêu		73.539.417.793
+ NH ĐT&PT Bạc Liêu	15.085.539.984	32.409.751.397
+ Vietinbank Cà Mau		4.773.444.900
+ Vietcombank Bạc Liêu	9.497.332.291	
- Vay ngắn hạn USD	114.235.331.600	18.745.200.000
+ HSBC Tp HCM	73.933.151.600	18.745.200.000
+ Vietcombank Bạc Liêu	1.041.400.000	
+ Vietinbank Cà Mau	39.260.780.000	
- Vay ngắn hạn EUR		66.792.787.045
+ HSBC Tp HCM		51.768.738.565
+ ANZ Tp HCM		15.024.048.480
Cộng	171.273.690.006	211.260.601.135

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2012	01/01/2012
Thuế xuất, nhập khẩu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	668.599.367	1.182.156.757
Thuế thu nhập cá nhân	543.767.862	548.569.173
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	1.212.367.229	1.730.725.930

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
Bảo hiểm xã hội	628.234.213	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	560.000.000	60.000.000
Doanh thu chưa thực hiện		
Cổ tức phải trả	731.860.335	1.034.929.460
Các khoản phải trả, phải nộp khác	516.681.217	401.955.638
Bảo hiểm thất nghiệp	39.235.350	
Cộng	2.476.011.115	1.496.885.098



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MINH HẢI

Địa chỉ: Km 2231 Quốc lộ 1A, Tân Phong, Giá Rai, Bạc Liêu

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	84.557.940.000	-3.018.379.273	4.000.000.000	4.213.633.606	20.600.668.246
Tăng vốn trong năm trước						
Lãi trong năm trước						14.850.418.748
Tăng khác			3.018.379.273	1.600.000.000	933.158.386	
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác			1.009.592.954			16.279.259.917
Số dư cuối năm trước	56.000.000.000	84.557.940.000	-1.009.592.954	5.600.000.000	5.146.791.992	19.171.827.077
Tăng vốn trong năm nay	12.565.044.000	300.000.000				
Lãi trong năm nay						12.945.353.287
Tăng khác	12.434.466.000		1.009.592.954		742.520.937	
Giảm vốn trong năm nay						
Trích quỹ từ lợi nhuận						2.970.083.749
Thù lao HĐQT, BKS						338.400.000
Chia cổ tức						11.200.000.000
Giảm khác	10.999.710.000					
Số dư cuối năm nay	80.999.510.000	73.858.230.000	-	5.600.000.000	5.889.312.929	17.608.696.614

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>%</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước	11.893.830.000	14,68%	8.222.900.000	14,68%
Vốn góp của các đối tượng khác	69.105.680.000	85,32%	47.777.100.000	85,32%
Cộng	80.999.510.000	100%	56.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	56.000.000.000	56.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	24.999.510.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	80.999.510.000	56.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.200.000.000	4.200.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.499.951	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.499.951	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.099.951	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.099.951	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

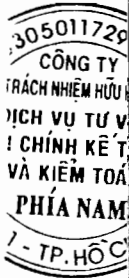
e) Các quỹ của công ty:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	5.889.312.929	5.146.791.992
Quỹ dự phòng tài chính	5.600.000.000	5.600.000.000
Cộng	11.489.312.929	10.746.791.992

g) Thu nhập và chi phí, lãi và lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể:

Chi phí ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu gồm:

- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	338.400.000
-------------------------------	-------------



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng	1.151.876.881.093	1.361.426.292.885
- Doanh thu bán hàng hóa (tôm)	1.150.380.370.830	1.359.313.676.781
- Doanh thu bán thành phẩm (đầu vỏ tôm)	1.064.350.598	1.645.364.321
- Doanh thu gia công hàng xuất khẩu		
- Doanh thu bán hàng hóa	153.989.524	19.784.747
- Doanh thu khác (bán phế liệu)	278.170.141	447.467.036
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.280.577.165	1.881.940.919
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng	1.153.157.458.258	1.363.308.233.804

16. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
Hàng bán bị trả lại	14.751.726.148	2.924.373.380
Thuế xuất khẩu		
Cộng	14.751.726.148	2.924.373.380

17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1.137.125.154.945	1.358.501.919.505
Doanh thu thuần dịch vụ	1.280.577.165	1.881.940.919
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng		
Cộng	1.138.405.732.110	1.360.383.860.424

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của hàng hóa đã bán	133.140.000	52.078.000
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.065.769.597.575	1.304.967.572.670
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	1.065.902.737.575	1.305.019.650.670

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.182.863.427	1.224.099.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	876.659.800	635.531.300
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.727.896.041	28.911.701.299
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	810.670.666	
Cộng	5.598.089.934	30.771.331.974

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền vay	15.843.524.684	24.710.072.648
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.167.468.584	1.334.801.091
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(30.000.000)	300.000.000
Chi phí tài chính khác		
Cộng	16.980.993.268	26.344.873.739

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí lương, BHXH, KPCĐ BHYT		8.196.791
Chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài	34.292.965.765	34.150.223.204
Chi phí bán hàng bằng tiền khác		
Cộng	34.292.965.765	34.158.419.995

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí tiền lương, BHXH, BHYT của nhân viên quản lý	8.485.095.513	6.013.453.174
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.597.295	32.268.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	241.269.275	128.952.854
Thuế, phí, lệ phí	528.711.780	403.363.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.187.938	453.596.134
Chi phí bằng tiền khác	3.641.767.810	4.147.042.568
Cộng	13.362.629.611	11.178.676.412



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

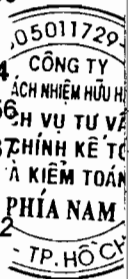
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm 2012	Năm 2011
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.959.631.148	15.728.739.617
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng:	993.271.258	145.459.507
- Chi phí tiền phạt về vi phạm hành chính tính vào chi phí	143.977.058	145.459.507
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế khác	849.294.200	
+ Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	876.659.800	635.531.300
- Thu nhập miễn thuế	4.416.452.078	
- Tổng thu nhập chịu thuế	9.659.790.528	15.238.667.824
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành 25%	2.414.947.632	3.809.666.956
- Các khoản miễn giảm thuế	1.400.669.771	2.931.346.087
+ Chênh lệch thuế thu nhập doanh nghiệp do áp dụng thuế suất 15%	965.979.152	1.523.866.782
+ Miễn thuế TNDN do đầu tư mới nhà máy Láng Trâm		307.221.957
+ Giảm 20% số thuế phải nộp đối với phần thu nhập có được do xuất khẩu		361.917.059
+ Giảm 25% số thuế phải nộp đối với phần thu nhập có được do xuất khẩu		361.917.059
+ Giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị Quyết số 08/2011/QH13	434.690.619	376.423.230
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.014.277.861	878.320.869

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần (lỗ) phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	12.945.353.287	14.850.418.748
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.757.036	5.600.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.249	2.652

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ


	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.050.350.604.011	1.385.959.044.217
- Chi phí nguyên vật liệu chính (tôm)	1.003.873.602.622	1.344.715.973.189
- Chi phí nguyên vật liệu phụ (VTBB)	42.074.682.613	36.724.406.497
- Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất	4.402.318.776	4.518.664.531
Chi phí nhân công	42.932.593.075	37.985.840.323
- Chi phí nhân công trực tiếp (dài hạn)	39.241.545.508	34.834.686.234
- Chi phí nhân công trực tiếp (thời vụ)	3.691.047.567	3.151.154.089
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.197.599.259	14.197.773.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.172.624.927	12.203.355.065
Chi phí khác bằng tiền	12.215.297.104	138.618.054.130
Cộng	1.131.868.718.376	1.588.964.067.691

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán

Người lập biểu


 Nguyễn Thanh Nhân

Kế toán trưởng


 Nguyễn Thanh Nhân

Bạc Liêu, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Trưởng Giám đốc




 Trần Thiện Hải